

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 4 – 2019

*“V/v tranh chấp HN&GD – Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lương Thị Kim Vân;**

2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 644/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 21/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2018; biên bản hòa giải ngày 11/01/2019, ngày 05/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

- Về hôn nhân: Từ ngày 06/9/2016 đến ngày 11/11/2018, chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không thể hàn gắn được, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Thành Hiệu**, sinh ngày 25/10/2017. Từ khi sinh con thì con chung sống với chị H và gia đình chị

H. Đến ngày 11/11/2018, thì anh T đến nhà chị H bắt con chung về bên nhà anh T sống đến nay. Chị H và gia đình có ngăn cản việc anh T đem con chung đi và có nhờ UBND xã Ba Sao lập biên bản vào ngày 11/11/2018. Từ khi anh T bắt con đến nay, chị H nhiều lần đến thăm con nhưng cha mẹ anh T đều ngăn cản không cho chị H được gặp con. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị H trình bày hiện con chung đang bị bệnh cần tiến hành phẫu thuật nhưng anh T không thực hiện.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh thống nhất về thời gian chung sống và việc không đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Trong quá trình sống chung do phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và việc chị H có mối quan hệ bên ngoài. Nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc nên anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh T thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thành Hiếu, sinh ngày 25/10/2017. Khi ly thân vào ngày 11/11/2018 thì anh T mang con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Việc con chung đang bị bệnh cần phẫu thuật thì anh thừa nhận là có nhưng anh yêu cầu chị H giao giấy tờ để đi khám nhưng chị H không thực hiện. Anh đã dẫn con đến bệnh viện Nhi Đồng khám và có lịch phẫu thuật. Việc chị H đến thăm con bị gia đình ngăn cản là do chị H có thái độ hỗn hào với cha mẹ của anh T. Nay anh T không đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Trích lục khai sinh Nguyễn Thành Hiếu (Bản sao);
2. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Nguyễn Thị Hồng H (Bản photo chứng thực).
3. Bản sao biên bản sự việc ngày 11/11/2018 của Công an xã Ba Sao.
4. Tờ tường trình ký tên Nguyễn Thị Hồng H có xác nhận của UBND xã Ba Sao.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 11/01/2019, ngày 05/3/2019 và đã thông báo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong

vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

Anh Nguyễn Thanh T là người bị kiện có hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Trong Quyết định xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là bà Hồ Thị Mai Hương, ông Phạm Phước Tâm và Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Lê Đình Thủ, ông Trần Văn Bé Hai, bà Võ Thị Điệp và ông Châu Quốc Tuấn. Tuy nhiên, bà Hương, ông Bé Hai, bà Điệp, ông Thủ và ông Tuấn đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là bà Lương Thị Kim Vân để tham gia Hội đồng xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ tháng 9/2016 đến tháng 11/2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Thanh T tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị H và anh T đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “ *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*”. Do chị H và anh T không đăng ký kết hôn và thừa nhận tình cảm vợ chồng cũng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành Hiếu, sinh ngày 25/10/2017; từ khi sinh con thì con chung sống với chị H và gia đình chị H. Đến ngày 11/11/2018, thì anh T đến nhà chị H mang con chung về nuôi đến nay. Khi xảy ra sự việc chị H và gia đình có ngăn cản có nhờ UBND xã Ba Sao lập biên bản vào ngày 11/11/2018. Nay chị H yêu cầu anh T giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là cần xem xét điều kiện chăm sóc và việc phát triển con chung. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh cháu Hiếu thì cháu Hiếu được chị H chăm sóc tốt, sức khỏe bình thường, có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về mọi mặt. Đến ngày 11/11/2018, sau khi mâu thuẫn thì anh T cùng gia đình đến nhà chị H tự ý đem cháu Hiếu về nhà anh T, mặc dù chị H và gia đình đã ngăn cản nhưng không được nên có nhờ UBND xã Ba Sao đến lập biên bản. Hiện tại, cháu Hiếu vẫn

chưa đủ 36 tháng tuổi, bên cạnh đó chị H có thu nhập ổn định và được sự giúp đỡ của gia đình trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hiếu.

Đối với anh T cho rằng có đủ điều kiện chăm sóc con nhưng tại phiên tòa thừa nhận con chung do anh tự ý mang đi khi không có sự đồng ý của chị H. Hiện con chung đang bị bệnh từ ngày 13/3/2019 đến nay nhưng anh T không đưa con đi điều trị theo liệu trình và thừa nhận cha mẹ anh có cản trở việc thăm nom con chung của chị H. Vì vậy, có đủ căn cứ việc chăm sóc con chung của anh T là không tốt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng xét thấy đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H. Chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh T thống nhất là không có.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001184 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Buộc anh Nguyễn Thanh T giao con chung Nguyễn Thành Hiếu, sinh ngày 25/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T thống nhất không có.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001184 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Văn Đô